TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2024
Về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Mão;

Bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1990; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

Hiện nay không sinh sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ, đã được tống đạt hợp lệ văn bản mở phiên tòa hai lần bằng phương thức niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1968 (Bố và mẹ đẻ của bị đơn); đều có địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An ngày 25/02/2016, đến năm 2019 anh H đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, kể từ đó giữa hai người bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn; nay chị nhận thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Lê Khánh C, sinh ngày 18/5/2016 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức H: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn vắng mặt không có lý do. Chị Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú hiện nay của anh.

Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn giao nộp cho anh H thông qua bố, mẹ đẻ của anh ấy là ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông T, bà H1 đã thông báo cho anh H biết nội dung, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn thông qua mạng xã hội, ông, bà cũng không biết địa chỉ của bị đơn nên không thể cung cấp được cho Tòa án; thông qua ông, bà thì anh H cho biết anh đồng ý với nội dung, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến cháu Nguyễn Lê Khánh C trình bày nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu chọn chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, những người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 77 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được bố, mẹ đẻ cung cấp các thông tin về việc nguyên đơn khởi kiện vụ án mà mình tham gia với tư cách là bị đơn nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vì vậy vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Xét thấy chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Đức H là những người đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An ngày 25/02/2016, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị Q và anh H đã bất đồng quan điểm, không quan tâm lẫn nhau điều này cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lê Khánh C, sinh ngày 18/5/2016. Hiện anh H đang sinh sống ở nước ngoài, bởi vậy, đề nghị giao con chung nói trên cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Văn bản số 5841/QLXNC-P3 ngày 22/3/2024 của Cục Q1, Bộ C1 cho biết, anh Nguyễn Đức H đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay N lần cuối là ngày 30/5/2019 đến nay chưa nhập cảnh. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn, tiến hành xác minh, nhưng không có kết quả. Lời trình bày của ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Thanh H1 là bố và mẹ đẻ của bị đơn thì họ đã thông báo nội dung và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn mà Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết cho anh H nhưng anh ấy vẫn không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình, chỉ cho biết đồng ý với nội dung, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vậy nên, được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn, người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì phiên tòa.

[3] Nội dung vụ án: Đánh giá lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu có tại hồ sơ Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định:

3.1. Quan hệ hôn nhân:

Tại thời điểm kết hôn chị Q và anh H đủ điều kiện kết hôn theo luật định, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Năm 2019 anh H xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam từ đó giữa anh và chị Q phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không quan tâm lẫn nhau cho thấy nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Đức H theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ.

3.2. Con chung: Cháu Nguyễn Lê Khánh C là con chung của nguyên đơn và bị đơn, hiện nay nguyên đơn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bị đơn đang sinh sống, lao động ở nước ngoài. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung là chính đáng và phù hợp với hoàn cảnh thực tế và ý chí nguyện vọng của cháu Nguyễn Lê Khánh C. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên giao con chung nói trên cho chị Lê Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 19; Các Điều 51, 56, 58, 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Q được ly hôn bị đơn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Khánh C, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

3. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người có quyền, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án dân sự độc lập khác.

4. Án phí: Buộc chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012737 ngày 20/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi Phong
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lam